

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh An;
2. Ông Nguyễn Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 tỉnh Tây Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14/5/2025, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 11/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1989, cư trú: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh T1, sinh năm: 1984, cư trú: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông T1 cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An (cũ) vào ngày 05/3/2012 theo số sổ 16/2012. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện, thời gian đầu ông, bà sống chung hạnh phúc. Nguyên nhân bà T xin ly hôn là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông T1 không chăm lo gia đình, cờ bạc. Bà T và ông T1 không có tiếng nói chung về mọi việc, cuộc sống không ổn định. Hiện bà T và ông T1 không còn sống chung. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp đoàn tụ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có con chung là Trần Thị Tường V sinh ngày 11/8/2012. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà T mong muốn tiếp tục nuôi con, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Nợ chung, tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Bà T có văn bản xin giải quyết vắng mặt, ông T1 được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 05/3/2012 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cũ cấp thì bà T và ông T1 là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Bà T và ông T1 cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An (cũ) vào ngày 05/3/2012 theo sổ số 16. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện, thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Nguyên nhân bà T xin ly hôn là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông T1 không chăm lo gia đình, cờ bạc. Bà T và ông T1 không có tiếng nói chung về mọi việc, cuộc sống không ổn định. Hiện tại, bà T và ông T1 không còn sống chung. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng bà T, ông T1 không thể đoàn tụ được do ông T1 không đến. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông T1 có con chung là Trần Thị Tường V sinh ngày 11/8/2012. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà T mong muốn tiếp tục nuôi con chung, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 không có ý kiến về con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Tường V sinh ngày 11/8/2012. Việc giao cháu V cho bà T nuôi dưỡng phù hợp với tâm tự, nguyện vọng của cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng. Ông T1 vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có. Ông T1 vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014380, ngày 06/5/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc) chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Trần Minh T1.

1. *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Minh T1.

2. *Về con chung:* Bà T trực tiếp dưỡng con chung là Trần Thị Tường V sinh ngày 11/8/2012. Ông T1 không cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014380, ngày 06/5/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc) chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh **Tây Ninh**;
- VKSND **khu vực 7, tỉnh Tây Ninh**;
- **THADS tỉnh T**;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS huyện C;
- UBND xã đăng ký kết hôn
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết N1n Thị Kim Cương Nguyễn Thị Thanh V1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lại;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

